

Bài 24 **TÌNH HÌNH VĂN HOÁ Ở CÁC THẾ KỈ XVI – XVIII**
(1 tiết)

I - MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

Giúp HS hiểu :

– Ở các thế kỉ XVI – XVIII, văn hoá Việt Nam có những điểm mới phản ánh thực trạng của xã hội đương thời.

– Trong lúc Nho giáo suy thoái thì Phật giáo, Đạo giáo có điều kiện mở rộng, mặc dù không được như ở thời Lý, Trần. Bên cạnh đó, xuất hiện một tôn giáo mới : Thiên Chúa giáo (đạo Kitô).

– Văn học – nghệ thuật chính thống sa sút, mất đi những nét tích cực của các thế kỉ trước ; đồng thời, trong lúc đó hình thành, phát triển một trào lưu văn học – nghệ thuật dân gian phong phú làm cho văn hoá mang đậm màu sắc nhân dân.

– Khoa học – kĩ thuật cũng có những chuyển biến mới.

2. Về tư tưởng, tình cảm

– Bồi dưỡng thêm về tình cảm đối với cuộc sống tinh thần của nhân dân.

– Bồi dưỡng niềm tự hào về năng lực sáng tạo phong phú của nhân dân lao động, một khi dân trí được nâng cao.

3. Về kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích và đánh giá thành tựu văn hoá.
- Kĩ năng quan sát, khai thác tranh, ảnh để minh hoạ, hiểu sâu bài học.

II - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

Sự suy sụp của nhà Lê sơ đã gây nên tình trạng tranh chấp, xung đột giữa các thế lực phong kiến nhưng đồng thời cũng làm cho cuộc sống của người dân thêm cực khổ, khó khăn. Nho giáo mất dần địa vị độc tôn ; Phật giáo, Đạo giáo có điều kiện khôi phục hoạt động. Mặt khác, sự phát triển của giao lưu quốc tế cũng dẫn đến sự du nhập của Thiên Chúa giáo. Sự phát triển của kinh tế hàng hoá, tạo nên sự chi phối của quan hệ tiền tệ. Sự ra đời của chữ Quốc ngữ là một sự kiện rất có ý nghĩa.

Hệ tư tưởng không còn ổn định như cũ. Trong lúc văn hoá chính thống suy thoái thì văn hoá dân gian lại phát triển rầm rộ. Với trình độ dân trí ít nhiều được nâng cao qua giáo dục, ở các thế kỉ XVI – XVIII người dân lao động đã thông qua văn học, nghệ thuật để nói lên tình cảm, nguyện vọng của mình, chống lại những điều quy định khắt khe của Nho giáo phong kiến. Văn hoá dân tộc trở nên phong phú, phản ánh những nét riêng của từng địa phương.

Bên cạnh đó, khoa học – kĩ thuật cũng đạt được nhiều thành tựu mới.

2. Về phương pháp

Bên cạnh việc phân tích những nguyên nhân dẫn đến bước phát triển mới của văn hoá ở các thế kỉ XVI – XVIII, GV nên sưu tầm, sử dụng các tranh ảnh nghệ thuật, các câu ca dao, các làn điệu dân ca để minh hoạ.

III - THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY — HỌC

- Một số tranh ảnh nghệ thuật ;
- Một số ca dao, tục ngữ, mẩu chuyện dân gian ;
- Một số câu thơ nói lên sự suy thoái của Nho giáo.

IV - GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY - HỌC

1. Giới thiệu bài học

- Theo SGK ;

– Có thể nói rõ sự xuất hiện của những nhân tố mới trong bối cảnh tranh chấp của các thế lực phong kiến không làm cho văn hoá dân tộc suy thoái mà ngược lại, đã dẫn đến một bước phát triển mới, đa dạng, phong phú.

2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

1 - VỀ TƯ TƯỞNG, TÔN GIÁO

GV hướng dẫn HS nắm được nét chính của tình hình tư tưởng, tôn giáo ở nước ta trong thời kì này qua trao đổi ở những khía cạnh sau :

– Sự suy sụp của nhà nước trung ương tập quyền Lê sơ và sự tranh chấp giữa các thế lực phong kiến đã làm Nho giáo mất thế độc tôn, thêm vào đó, quan hệ tiến bộ đã làm cho nó suy thoái. Phật giáo, Đạo giáo mở rộng hoạt động.

Cần sử dụng phương pháp miêu tả, sử dụng tranh, ảnh để minh hoạ khi giảng mục này. Ví dụ, GV có thể nêu một số chùa chiền ở cả hai miền để minh hoạ. Cần lưu ý cùng lúc đó, Đạo Thiên Chúa được du nhập, hình thành nên một tôn giáo mới. Nói thêm về sự ra đời của chữ Quốc ngữ theo mẫu tự Latinh.

Tiếp đó, GV đặt câu hỏi trong SGK.

Về các tín ngưỡng dân tộc, truyền thống, GV trình bày theo SGK, từ đó nêu nội dung trong SGK về nếp sống văn hoá chung của dân tộc.

GV đặt câu hỏi theo SGK và hỏi thêm HS về tình hình đền chùa ở địa phương mình ; sự tích người được thờ.

II - PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ VĂN HỌC

Mục 1. Giáo dục

HS cần nắm được 3 ý :

– Giáo dục ở Đàng Ngoài : như cũ, nhưng sa sút dần.

– Giáo dục ở Đàng Trong : bắt đầu từ năm 1646, song, các khoa thi không như Đàng Ngoài (hai khoa thi : *Chính đồ* chọn quan chức và *Hoa văn* chọn người làm văn thư, tuy đều là Nho học).

– Giáo dục thời Quang Trung : chú ý sự kiện đưa chữ Nôm lên thành chữ viết chính thống. GV có thể đặt câu hỏi về ý nghĩa của việc làm này (ý thức dân tộc).

Cuối cùng, GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi cuối mục. Câu hỏi này cần thiết đối với HS học Ban KHTN.

Mục 2. Văn học

HS cần nắm được nét cơ bản về tình hình văn học ở nước ta trong thời kì này về :

– Văn học chữ Hán, văn học chữ Nôm, văn học dân gian.

– Ngoài phần giảng về thơ văn chữ Nôm nói chung, GV nên dành phần lớn thời gian cho phép để trình bày về văn học dân gian.

GV đặt thêm câu hỏi cho HS, cuối cùng kết luận.

Kết quả của sự phát triển văn học dân gian :

– Làm cho văn học thêm phong phú, đa dạng, đề cao cuộc sống tinh thần của nhân dân.

– Hoàn chỉnh văn học Nôm.

Chữ Quốc ngữ ra đời nhưng chưa được sử dụng rộng rãi.

III - NGHỆ THUẬT VÀ KHOA HỌC – KỸ THUẬT

Giảng theo SGK. Cho HS nắm chắc được, song song với văn học dân gian, một trào lưu nghệ thuật dân gian cũng hình thành và phát triển. Ngoài điều khác còn có hàng loạt làn điệu dân ca.

Về khoa học – kỹ thuật, GV chú ý phân biệt 2 loại : chính thống của nhà nước và tư nhân. Sự xuất hiện của hàng loạt nhà khoa học ; một số thành tựu kỹ thuật tiếp cận với hiện đại. Giảng mục này, GV cần sử dụng phương pháp miêu tả, phân tích kết hợp với việc sử dụng tranh minh họa, đàm thoại.

Cuối bài, GV nên đặt câu hỏi : Tại sao sự tiếp cận với khoa học – kỹ thuật tiên tiến của phương Tây chỉ dừng lại ở đây ? (hạn chế của chính quyền thống trị, hạn chế về trình độ chung của nhân dân đương thời).

3. Sơ kết bài

– *Củng cố :*

+ Thế kỉ XVI – XVIII : hệ tư tưởng và tôn giáo có nhiều thay đổi.

+ Trong lúc văn học chữ Hán suy thoái thì hình thành và phát triển một trào lưu văn học dân gian rất phong phú.

+ Nghệ thuật và khoa học – kỹ thuật đều có bước phát triển mới.

– Bài tập :

GV yêu cầu HS về nhà lập các bảng thống kê để trả lời cho các câu hỏi cuối bài 24 SGK. Sưu tầm các tranh ảnh về thành tựu văn hoá thời kì này còn lưu giữ ở địa phương.

V - TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Dưới thời Lê – Trịnh, tuy nhà nước "vẫn mở đều các khoa thi nhưng chất lượng ngày càng sa sút. Nhà nước thả cho các quan chấm thi ở trường thi Hương (ở các Thừa tuyên) soạn sẵn 4 – 5 đề thi, ra đi ra lại, những thầy đồ giỏi nhân đó soạn sẵn bài đem bán mà quan trường thì cứ theo văn lấy đồ "trùng kiến cũng mặc". Không những thế, các bộ Ngũ kinh, Tứ thư còn được tóm tắt, người đi thi chỉ cần học thuộc lòng chùng ấy là đủ".

– Trong 10 năm từ 1615 đến 1625 đã có 21 giáo sĩ phương Tây vào Đại Việt. Giáo sĩ A-lêch-xăng đơ Rốt vào nước ta năm 1627, khi về lại phương Tây đã biên soạn xong quyển từ điển Việt – Bồ – Latinh (dựa vào một số công trình đã có trước đó), đánh dấu sự ra đời chính thức của chữ Quốc ngữ theo mẫu tự Latinh. Tuy nhiên, chữ Quốc ngữ chỉ trở thành một công cụ truyền giáo, không được phổ cập trong nhân dân. Phải đến đầu thế kỉ XX, khi Nho học không còn được tôn trọng, chữ Quốc ngữ mới trở thành chữ viết chính thức của nhân dân ta.

(Theo : Trương Hữu Quýnh (Chủ biên),
Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập I, Sđd)